

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/4/2022

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH - TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Giang

2. Bà Trần Thị Gấm

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông: Trịnh Xuân Tùng - Cán bộ TAND huyện Như Thanh

Đại diện VKSND huyện Như Thanh tham gia phiên tòa:

Bà: Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2021/TLST- HNGĐ ngày 03/12/2021. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐST- HNGĐ ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1995

Trú tại: Thôn 5, xã Xuân D, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thăng T - Sinh năm 1995

Trú tại: Thôn 5, xã Xuân D, huyện Như T, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L có mặt; anh Nguyễn Thăng T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/10/2021, bản tự khai ngày 03/12/2021; lời trình bày tại phiên tòa hôm nay cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L cho biết:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thăng T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân D, huyện Như T vào ngày 03/10/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 tháng thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi

vã, xúc phạm lẫn nhau. Anh T bỏ đi làm ăn xa và vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống gia đình.

Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Thăng T.

- Về con chung: Chị và Anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị đề nghị chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

* Đối với bị đơn anh Nguyễn Thăng T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, Anh T cũng có bản tự khai gửi Tòa án với nội dung: Anh đồng ý với ý kiến trình bày của chị L về điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2021 của chị L. Về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị L; về con chung: anh và chị L không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản, công nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài bản tự khai ra thì Anh T vắng mặt không có lý do tại các phiên Hòa giải mặc dù đã được Tòa án thông báo hợp lệ các giấy triệu tập, thông báo phiên họp giao nộp, công khai chứng cứ và Hòa giải gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hòa giải được theo qui định của pháp luật làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Theo đơn yêu cầu thu thập chứng cứ của chị L, Tòa án phối hợp cùng chính quyền địa phương xác minh và thu thập chứng cứ, tiến hành ghi ý kiến của bố mẹ đẻ Anh T là ông Nguyễn Thăng T và bà Bùi Thị T, có xác nhận của ông Lê Trọng H, trưởng thôn 5, xã Xuân D ngày 02/3/2022 để xác định mâu thuẫn vợ chồng. Ông T, bà T cho biết: Anh T và chị L kết hôn hợp pháp tại UBND xã Xuân D vào năm 2016, sau khi kết hôn về chung sống cùng gia đình nhà chồng một thời gian khoảng ba tháng thì không sống chung với nhau nữa. Nguyên nhân do, chị L tự ý bỏ về nhà ngoại, không quan tâm đến gia đình và bố mẹ chồng. Từ đó, chị L và Anh T đã sống ly thân. Quá trình sống chung, chị L và Anh T không có con chung, không có tài sản và công nợ chung gì. Nay ly hôn, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tố tụng tại phiên tòa hôm nayThẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng quy định của pháp luật pháp luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật TTDS; Khoản 1

các điều 51; 56 Luật HNGĐ chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Thăng T. Chị L phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Ý kiến của nguyên đơn; đại diện VKSND. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Thăng T các văn bản tố tụng của Tòa án; Anh T đã có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Thăng T.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Như Thanh theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thăng T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Xuân D, huyện Như T vào ngày 03/10/2016 là hôn nhân hợp pháp theo qui định tại điều 9 luật HNGĐ năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là tính cách hai người trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, sự đồng cảm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau và đã sống ly thân từ 2017.

Nay xác định không thể sống chung được với nhau, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Thăng T.

Qua chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đó là đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26/10/2021, bản tự khai ngày 03/12/2021; Bản tự khai ngày 16/3/2022 do bị đơn cung cấp; Biên bản xác minh lấy ý kiến của mẹ đẻ Anh T ngày 02/3/2022 mà Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn hôn nhân của Anh T, chị L thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, có kéo dài cũng không đem lại hạnh phúc. Nay chị L có đơn ly hôn HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện và đồng ý cho chị L ly hôn đối với Anh T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và Anh Nguyễn Thăng T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Thăng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 của BLTTDS.

[7] Ý kiến của đại diện VKSND huyện Như Thanh tại phiên tòa hôm nay về việc áp dụng pháp luật tố tụng của Thẩm phán của HĐXX và các căn cứ pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án đúng với quy định của pháp luật. HĐXX chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào:** Khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật TTDS; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Thăng T.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh theo biên lai thu số AA/2021/0003770 ngày 03/12/2021. (Chị L đã nộp đủ tiền án phí).

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- Các đương sự
- Chi cục THADS h. Như Thanh
- VKSND huyện Như Thanh
- UBND xã Xuân D.
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Quân